TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 38/2020/HNGĐ-ST Ngày: 06-7-2020 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phước Hải.

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 113/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983.

Địa chỉ thường trú: Tổ 114, Khu phố 8, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ tạm trú: Số 243/39/15, Tổ 55, Khu phố 6, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Vũ Tiến T, sinh năm 1982.

Địa chỉ thường trú: Tổ 114, Khu phố 8, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ tạm trú: Tổ 101, Khu phố 7, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn trình bày:*

Bà Nguyễn Thị H và ông Vũ Tiến T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại UBND xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 55 ngày 09/9/2002.

Quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm, lối sống. Giữa hai vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không còn tin tưởng lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Ông T không có sự quan tâm vợ con, gia đình. Ngoài ra, ông T còn ăn chơi, cầm nhà đất cho người khác nên gia đình không còn chỗ ở. Từ tháng 6/2019 đến nay, bà H và ông T đã không còn chung sống với nhau. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Vũ Tiến T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Vũ Tiến T có 02 con chung là Vũ Tiến H, sinh ngày 24/6/2003 và Vũ Thanh T, sinh ngày 01/7/2006. Bà Nguyễn Thị H yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông Vũ Tiến T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, bà H hiện đang làm việc tại Bệnh viện Y học Cổ truyền và làm thêm bên ngoài với thu nhập hàng tháng khoảng 12.000.000 đồng nên đảm bảo điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Vũ Tiến T nhưng ông T không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Vũ Tiến T vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Vũ Tiến T. Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn ông Vũ Tiến T

đang cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Vũ Tiến T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 09/9/2002, bà Nguyễn Thị H và ông Vũ Tiến T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Quá trình chung sống, bà H xác định giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm, lối sống. Giữa hai vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không còn tin tưởng lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Ông T không có sự quan tâm vợ con, gia đình. Ngoài ra, ông T còn ăn chơi, cầm nhà đất cho người khác nên gia đình không còn chỗ ở. Từ tháng 6/2019 đến nay, bà H và ông T đã không còn chung sống với nhau. Theo kết quả xác minh tại nơi bà H và ông T chung sống thể hiện: Ông Vũ Tiến T và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng sống chung từ năm 2008 đến năm 2019 tại địa chỉ Tổ 114, Khu phố 8, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Từ tháng 6/2019 đến nay thì ông T và bà H đã không còn chung sống với nhau... Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông T nhiều lần để tiến hành hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt, điều này chứng tỏ ông T không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa bà H và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Vũ Tiến T có 02 con chung là Vũ Tiến H, sinh ngày 24/6/2003 và Vũ Thanh T, sinh ngày 01/7/2006. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hai con chung hiện đang sống chung với bà H và cùng có nguyện vọng được sống chung với bà H. Bà H có công việc và thu nhập ổn định nên đảm bảo được điều kiện nuôi con. Ông T cũng không có yêu cầu về việc trực tiếp nuôi con. Do đó, việc bà H yêu cầu trực tiếp nuôi con là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân

thành phố Thủ Dầu Một là phù hợp.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị H phải chịu số tiền 300.000 đồng; ông T không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn ông Vũ Tiến T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Vũ Tiến T.

1.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung là Vũ Tiến H, sinh ngày 24/6/2003 và Vũ Thanh T, sinh ngày 01/7/2006.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau này nếu cần thiết. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0041646 ngày 21/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CC THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Phạm Ngọc Trung